TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ- ST
Ngày: 08 - 6 -2022
V/v: Tranh chấp ly hôn, Nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vì Thị Lún; bà Nguyễn Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lò Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Ái - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 25/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 2 năm 2022, về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lò Thị T**, sinh năm 1999.

Nơi cư trú: Bản C B, xã X, huyện Đ, tỉnh B. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Lò Văn C**, sinh năm 1996.

Nơi cư trú: Bản C B, xã X, huyện Đ, tỉnh B. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/02/2022 và trong quá trình xét xử, Nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh C C sống với nhau từ năm 2016 nhưng đến ngày 07/6/2018 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Đ, tỉnh B. Việc kết hôn trên tinh thần tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng C sống hạnh phúc trong thời gian đầu, nhưng đến tháng 10/2019 thì thường xảy ra mâu thuẫn do anh C không tu trí làm ăn, chị T nghi ngờ anh C nghiện ma túy, anh C thường xuyên măng chửi và có lần đánh chị nên giữa vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến mẫu thuẫn kéo dài. Hai vợ chồng cũng được hai bên gia đình khuyên giải hàn gắn giữ hạnh phúc

gia đình nhưng không được. Nay chị T cảm thấy không thể tiếp tục C sống với anh C được nữa, vợ chồng không còn hạnh phúc, hiện tình cảm giữa anh chị cũng không còn, chị T xin được ly hôn với anh C.

Về con C, con riêng: Chị T và anh C có hai con C là: Cháu Lò Anh Q, sinh ngày 22/01/2016 và cháu Lò Đức H, sinh ngày 07/12/2017. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con vì hiện các con còn nhỏ cần sự chăm sóc đặc biệt của người mẹ. Chị T không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con; Hiện chị T có thu nhập ổn định từ việc đi làm thuê, đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng các con.

Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản C, nợ phải trả, nợ lấy về,diện tích ruộng nương: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn: Ngày 18/02/2022, sau khi thụ lý đơn khởi kiện của chị Lò Thị T. Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên đã Thông báo thụ lý vụ án số 25/TB-TLVA ngày 18/02/2022 và đã liên lạc điện thoại, tống đạt các văn bản tố tụng cho anh C qua người thân thích và niêm yết tại nơi cư trú, đã triệu tập hợp lệ anh C đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh C vẫn vắng mặt không có lý do, không trình bày ý kiến và tham gia các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa giải quyết vụ việc theo quy định. Tòa án tiến hành xác minh tại nơi cư trú của anh C được biết: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh C và chị T do tình cảm hai vợ chồng không còn như trước không tin tưởng nhau nên đã dẫn đến mâu thuẫn kéo dài, hai bên gia đình và chính quyền địa phương đã hòa giải cho anh chị nhưng không thành. Hiện anh C thường hay đi làm vắng nhà, thi thoảng về vài ngày rồi lại đi tiếp.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; Bị đơn không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS. Đại điện Viện kiểm sát căn cứ điều 53, điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị xử cho chị T được ly hôn với anh C; Căn cứ các điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 giao cháu Lò Anh Q và cháu Lò Đức H cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con cho đến khi đủ tuổi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết; Anh Lò Văn C có quyền thăm con, chăm sóc con, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của các con, quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu. Miễn án phí sơ thẩm cho chị Lò Thị T.

Tại phiên tòa hôm nay chị Lò Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giải quyết việc nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản như nội dung đơn khởi kiện chị đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Lò Thị T đối với anh Lò Văn C và các tài liệu, chứng cứ kèm theo của Nguyên đơn chị Lò Thị T, Tòa án xác định đây là vụ án: "***Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"***.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại bản C B, xã X, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Ngày 06 tháng 5 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã niêm yết, tống đạt hợp lệ cho anh Lò Văn C, nhưng anh C vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án đã quyết định hoãn phiên tòa và tiến hành niêm yết, tống đạt Quyết định hoãn phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông đã thực hiện đúng quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự, việc anh C không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70; 72 của Bộ luật tố tụng dân sự là do anh C đã tự bỏ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn anh Lò Văn C được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[4]. Về điều luật áp dụng: Chị T và anh C C sống với nhau từ năm 2016 nhưng đến ngày 07/6/2018 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Đ, tỉnh B, Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[5]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn C C sống với nhau theo phong tục từ năm 2016 nhưng đến ngày 07/6/2018 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Đ, tỉnh B. Việc kết hôn trên tinh thần tự nguyện các bên kết hôn khi đã đủ điều kiện kết hôn. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T, anh C là hợp pháp. Quá trình C sống chị T và anh C không còn hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh C và chị T do tình cảm không còn như trước, không tin tưởng nhau thường xuyên bất đồng quan điểm nên giữa vợ chồng xảy ra mẫu thuẫn kéo dài. Hai vợ chồng cũng được hai bên gia đình khuyên giải hàn gắn giữ hạnh phúc gia đình nhưng không thành. Nội dung này đã được ủy ban nhân dân xã Xa Dung, huyện Điện Biên Đông xác nhận. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định việc chị T cho rằng hai vợ chồng không còn hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn là đúng. Xét tình trạng thực tế giữa hai vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định anh C đã vi phạm nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Do đó, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống C không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần căn cứ

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị T, giải quyết cho chị T ly hôn với anh C.

[6]. Về con C, con riêng: Chị T và anh C có hai con C là cháu Lò Anh Q, sinh ngày 22/01/2016 và cháu Lò Đức H, sinh ngày 07/12/2017. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Q và cháu H vì các cháu hiện còn nhỏ tuổi; Hiện chị T đang đi làm thuê, có thu nhập đủ để chăm sóc nuôi dưỡng cả hai cháu, việc cấp dưỡng chị T không yêu cầu giải quyết. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của trẻ. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu và nguyện vọng của chị T là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật, nên căn cứ các quy định tại Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 giao cháu Lò Anh Q, Lò Quang H cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị T không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con C nên không đề cập xem xét. Anh C có quyền đi lại thăm nom, giáo dục con C không ai được cản trở.

Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình 2014 khi có yêu cầu.

[7]. Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản C, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn C không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Án phí: Quá trình giải quyết vụ án chị Lò Thị T có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí. Tại phiên tòa chị tiếp tục đề nghị HĐXX xem xét miễn tiền án phí DSTT cho chị, bởi vì, bản thân và gia đình chị là người dân tộc Thái đang cư trú tại Bản C B, xã X nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Vì vậy, cần áp dụng Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị T là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 53, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn chị Lò Thị T được ly hôn với bị đơn anh Lò Văn C.

2. Về con C: Giao con C là cháu Lò Anh Q sinh ngày 22/01/2016 và cháu Lò Quang H sinh ngày 07/12/2017 cho chị Lò Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên và có khả

năng lao động. Chị Lò Thị T không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con C.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống C với người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con C.

Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình 2014 khi có yêu cầu.

3. Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản C, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương. Chị Lò Thị T và anh Lò Văn C không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lò Thị T được miễn án phí DSST.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị T biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08/6/2022). Bị đơn anh Lò Văn C vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện ĐBĐ;
- CCTHADS huyện ĐBĐ;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh ĐB;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Giang